TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2017/DS-ST
Ngày: 08-9-2017
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Nhiệm.
2. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị T, sinh năm 1963.

Trú tại: Khu phố A, phường A, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bùi Văn D, sinh năm 1956 (Có mặt).

Trú tại: Ấp A, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc Phương D, sinh năm 1987 (Có mặt).

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bùi Thị T, ông Bùi Văn D trình bày:***

Vào ngày 02/02/2017 âm lịch, bà Bùi Thị T cho chị Nguyễn Ngọc Phương D vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận mượn tiền do chị D viết, chị D có ký tên và ghi họ tên của chị D vào giấy biên nhận mượn tiền; thỏa thuận lãi suất 5%/tháng; chị D có hẹn một tháng thì trả tiền cho bà T, nhưng không trả tiền. Trong thời gian vay tiền chị D có trả cho bà T hai tháng tiền lãi là 10.000.000 đồng, không có trả tiền vốn cho bà T. Bà T nhiều lần yêu cầu chị D

trả tiền, nhưng cho đến nay chị D không trả. Chị D chỉ có trả cho bà T 10.000.000 đồng tiền lãi, chị D trả tiền lãi cho bà T không có làm biên nhận, giấy tờ gì; chị D trình bày đã trả cho bà T 50.000.000 đồng tiền lãi là không đúng. Nay không đồng ý cấn trừ 25.000.000 đồng tiền lãi vào tiến vốn 100.000.000 đồng theo yêu cầu của chị D.

Tại phiên tòa, ông D đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu chị D trả lại cho bà T số tiền 100.000.000 đồng, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật; không yêu cầu chị D trả tiền lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Ngọc Phương D trình bày:***

Vào tháng 10/2016 âm lịch, chị D có vay của bà Bùi Thị T 100.000.000 đồng, có làm biên nhận do chị D viết, chị D có ký tên và ghi họ tên của chị D vào giấy biên nhận mượn tiền, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng; trong thời gian vay tiền chị D có trả cho bà T 05 tháng tiền lãi số tiền là 50.000.000 đồng; đến tháng 4/2017 âm lịch ngưng trả tiền lãi. Chị D trả cho bà T số tiền lãi 50.000.000 đồng không có làm biên nhận, giấy tờ gì. Hiện nay chị D còn nợ bà T 100.000.000 đồng; do làm ăn thua lỗ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên chưa trả tiền cho bà T.

Tại phiên tòa, chị D yêu cầu cấn trừ 25.000.000 đồng tiền lãi vào tiền vốn 100.000.000 đồng, còn nợ lại bà T tiền vốn 75.000.000 đồng. Chị D chỉ đồng ý trả cho bà T 75.000.000 đồng, nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra chị D không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc chị D có nghĩa vụ trả cho bà T 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", cần áp dụng giải quyết theo điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Xét bà T yêu cầu chị D trả lại số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, là có cơ sở. Bởi lẽ, ông D đại diện theo ủy quyền của bà T có cung cấp giấy biên nhận có nội dung: "*Tôi tên Nguyễn Ngọc Phương D SN 1987. Đ/c: 452-Quầy thuốc 6/6 D. Ấp T – xã Đ – Huyện G – TG. Hôm nay tôi có mượn của Dì T số tiền là 100.000.000 đồng. Tôi sẽ hoàn trả lại cho dì sau 1 tháng nếu làm sai biên nhận này tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*". Chị D thừa nhận có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, đồng thời chị D thừa nhận

nội dung trong biên nhận nêu trên do chị D viết và có ký tên và ghi họ tên của chị D vào biên nhận, nhưng cho đến nay chị D chưa trả tiền cho bà T. Mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu chị D trả tiền, nhưng chị D không trả tiền. Nên bà T khởi kiện yêu cầu chị D có nghĩa vụ trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, chị D trình bày trong thời gian vay tiền của bà T, chị D có trả cho bà T số tiền lãi 50.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận giấy tờ gì, chị D yêu cầu cấn trừ 25.000.000 đồng tiền lãi vào số tiền vốn 100.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả cho bà T 75.000.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của chị D là không có cơ sở; vì chị D cho rằng đã trả cho bà T tiền lãi 50.000.000 đồng, nhưng chị D không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của chị D; mặc khác ông D đại diện theo ủy quyền của bà T không thừa nhận, nên yêu cầu của chị D không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về cách trả tiền: Tại phiên tòa, ông D đại diện ủy quyền của bà T yêu cầu chị D trả 100.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Phía chị D chỉ đồng ý trả cho bà T 75.000.000 đồng, nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu của chị D là không có cơ sở; bởi vì, yêu cầu của chị D như trên nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây thiệt thòi quyền lợi cho bà T. Ông D đại diện ủy quyền của bà T không đồng ý theo yêu cầu của chị D; nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị D.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc chị D có nghĩa vụ trả cho bà T 100.000.000 đồng, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị D có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn đã được Ủy ban nhân dân xã Đồng Thạnh xác nhận, nên Hội đồng xét xử xem xét miễn, giảm 50% tiền án phí cho chị D.

[7] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

- Buộc chị Nguyễn Ngọc Phương D có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận

của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Chị D phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai số 38730 ngày 06/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Bà T, chị D, ông D (đại diện theo ủy quyền của bà T) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ TRUNG HIẾU

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.